DANH SÁCH THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT THEO HIỆN TRẠNG

Dự án: Đầu tư xây dựng Trường trung học cơ sở Đông Hòa, thành phố Thái Bình (Nay là phường Trà Lý, tỉnh Hưng yên)

(Kèm theo Thông báo số 190/TB-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Trà Lý)

STT	Số tờ BĐĐC	Thửa đất số	Tổng diện tích thửa (m2)	Loại đất	Họ tên người sử dụng đất	Tổng diện tích thuộc dự án (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Ghi chú
1	170	58	2100,8	TSC	UBND phường Trà Lý	40,0	2060,8	
2	170	60	4216,4	DGD	Trường THCS Đông Hòa	4149,3	67,1	
3	170	89	116,0	ODT+CLN	Hà Xuân Bính, Đặng Thị Thảo	44,0	72,0	
4	170	90	984,2	ODT+CLN		852,6	131,6	
			384	CLN	Hà Anh Tuấn, Trần Thị Thịnh	384,0	0,0	
			40,4	CLN	Hà Minh Thuấn, Hà Thị Hương	40,4	0,0	
			6,1	CLN	Vũ Nam Tiện	6,1	0,0	
			112,1	CLN	Vũ Ngọc Dũng	112,1	0,0	
			7,5	CLN	Trần Quang Lưu	7,5	0,0	
			24,2	CLN	Dương Thị My	24,2	0,0	
			66,7	CLN	Hà Văn Nam	66,7	0,0	
			15,3	CLN	Hà Văn Tú	15,3	0,0	
			16,6	CLN	Hà Anh Tuấn, Trần Thị Thịnh	16,6	0,0	
			5,9	CLN	Hà Văn Giang	5,9	0,0	
			8,3	CLN	Hà Văn Đề	8,3	0,0	
			166,1	CLN	UBND phường Trà Lý	165,5	0,6	
5	170	91	394,1	NTS		394,1	0,0	
			103,6	NTS	Hà Minh Thuấn, Hà Thị Hương	103,6	0,0	
			241,9	NTS	Vũ Nam Tiện	241,9	0,0	
			40,8	NTS	Dương Thị My	40,8	0,0	
			1,2	NTS	Hà Văn Nam	1,2	0,0	
			4,8	NTS	Vũ Ngọc Dũng	4,8	0,0	
			1,8	NTS	Hà Văn Tú	1,8	0,0	
6	170	93	97,7	ODT+CLN		42,4	55,3	
			11	CLN	Hà Anh Tuấn, Trần Thị Thịnh	11,0	0,0	
			34,7	CLN	UBND phường Trà Lý	31,4	3,3	
7	170	130	183,9	ODT+CLN		131,6	52,3	
			126	CLN	Hà Văn Kích	126,0	0,0	
			5,9	CLN	UBND phường Trà Lý	5,6	0,3	
8	170	133	71,6	ODT+CLN		43,9	27,7	
			22	CLN	Dương Văn Bang	22,0	0,0	
			28,6	CLN	UBND phường Trà Lý	21,9	6,7	
9	170	136	188,0	NKH		188,0	0,0	
			131,1	NKH	Vũ Ngọc Dũng	131,1	0,0	
			15,2	NKH	Hà Văn Nghĩa	15,2	0,0	
			13,7	NKH	Hà Văn Giang	13,7	0,0	
			12,8	NKH	Hà Văn Thích	12,8	0,0	
			15,2	NKH	Trần Thị Vin (Đằng)	15,2	0,0	
10	170	137	576,2	CLN		576,2	0,0	
			5,1	CLN	Hà Thị Trữ	5,1	0,0	
			81,2	CLN	Hà Văn Cử	81,2	0,0	
			127,2	CLN	Hà Thị Đào (Lạng)	127,2	0,0	

			80,4	CLN	Hà Văn Nghĩa	80,4	0,0	
			6,3	CLN	Trần Thị Vin (Đằng)	6,3	0,0	
			21,5	CLN	Trần Văn Hiệp	21,5	0,0	
			22,4	CLN	Hà Văn Huynh	22,4	0,0	
			25	CLN	Dương Văn Đắc	25,0	0,0	
			25,9	CLN	Hà Văn Rư + Hà Thị Loan	25,9	0,0	
			52,9	CLN	Hà Văn Rư	52,9	0,0	
			128,3	CLN	UBND phường Trà Lý	128,3	0,0	
11	170	138	427,9	NTS		427,9	0,0	
			64,1	NTS	Hà Văn Rư	64,1	0,0	
			19,2	NTS	Hà Thị Trữ	19,2	0,0	
			45,5	NTS	Hà Văn Cử	45,5	0,0	
			72,8	NTS	Hà Thị Đào (Lạng)	72,8	0,0	
			9,6	NTS	Hà Văn Rư + Hà Thị Loan	9,6	0,0	
			216,7	NTS	UBND phường Trà Lý	216,7	0,0	
12	170	139	212,4	ODT+CLN		102,1	110,3	
			94	CLN	Hà Văn Tuệ	94,0	0,0	
			8,1	CLN	Trần Văn Hạ	8,1	0,0	
13	170	140	304,5	ODT+CLN		167,5	137,0	
			157	CLN	Hà Văn Huynh, Phạm Thị Lanh	157,0	0,0	
			10,5	CLN	Trần Văn Lưu	10,5	0,0	
14	170	141	347,9	ODT+CLN		139,4	208,5	
			68,5	CLN	Trần Văn Lưu	68,5	0,0	
			70,9	CLN	Trần Văn Hạ	70,9	0,0	
15	170	143	215,7	ODT+CLN		128,6	87,1	
			130	CLN	Hà Giang Nam, Quách Thị Phương	125,9	4,1	
			2,7	CLN	UBND phường Trà Lý	2,7	0,0	
16	170	409	175,3	ODT+CLN		145,3	30,0	
			54	CLN	Hà Văn Kích	54,0	0,0	
			65,6	CLN	Hà Quang Ngọc, Nguyễn Thị Ngoạt	65,6	0,0	
			25,7	CLN	UBND phường Trà Lý	25,7	0,0	
17	170	410	176,1	ODT+CLN		145,9	30,2	
			101	CLN	Hà Văn Tính	101,0	0,0	
			18,4	CLN	Hà Quang Ngọc, Nguyễn Thị Ngoạt	18,4	0,0	
			26,7	CLN	UBND phường Trà Lý	26,5	0,2	
18	170	411	230,4	ODT+CLN		140,9	89,5	
			62	CLN	Dương Văn Vọng	62,0	0,0	
			75	CLN	Dương Văn Bang	75,0	0,0	
			10,4	CLN	UBND phường Trà Lý	3,9	6,5	
19	170	412	233,7	CLN		233,7	0,0	
			28,6	CLN	Hà Văn Khải	28,6	0,0	
			63,5	CLN	Hà Văn Thứ	63,5	0,0	
			63,2	CLN	Hà Văn Tiện	63,2	0,0	
			78,4	CLN	Hà Văn Hiền	78,4	0,0	
20	170	413	123,2	CLN		123,2	0,0	
			40,2	CLN	Hà Văn Thứ	40,2	0,0	
			74,6	CLN	Hà Văn Hiền	74,6	0,0	
			2,8	CLN	Hà Thị Hồng	2,8	0,0	
			5,6	CLN	Hà Văn Khoa + Hà Văn Trung	5,6	0,0	
21	170	414	8,0	HNK	Hà Văn Nghĩa	8,0	0,0	
22	170	415	242,4	NKH		242,4	0,0	
			75,4	NKH	Hà Văn Nghĩa	75,4	0,0	
			133	NKH	Hà Văn Rư	133,0	0,0	
			30,7	NKH	Hà Thị Trữ	30,7	0,0	
			3,3	NKH	Hà Văn Cử	3,3	0,0	
23	170	3001	693,4	DGT	UBND phường Trà Lý	309,1	384,3	
24	170	3002	67,0	DGT	UBND phường Trà Lý	67,0	0,0	
25	170	4001	797,4	DTL	UBND phường Trà Lý	252,0	545,4	
26	170	4002	34,9	DTL	UBND phường Trà Lý	34,9	0,0	
27	182	3	1006,5	NTS		1006,5	0,0	
			61,9	NTS	Hà Văn Tú	61,9	0,0	

			67,9	NTS	Hà Anh Tuấn, Trần Thị Thịnh	67,9	0,0	
			77	NTS	Hà Văn Giang	77,0	0,0	
			47,8	NTS	Hà Văn Thích	47,8	0,0	
			59,8	NTS	Vũ Văn Doãn	59,8	0,0	
			1,6	NTS	Trần Thị Vin (Đằng)	1,6	0,0	
			30	NTS	Đặng Văn Trung	30,0	0,0	
			91,4	NTS	Trần Văn Hiệp	91,4	0,0	
			67,6	NTS	Hà Văn Trữ	67,6	0,0	
			78,4	NTS	Hà Văn Huynh	78,4	0,0	
			49	NTS	Hà Văn Huynh	49,0	0,0	
			4,5	NTS	Dương Văn Đắc	4,5	0,0	
			4,5	NTS	Hà Văn Minh	4,5	0,0	
			154,7	NTS	Hà Văn Đề	154,7	0,0	
			210,4	NTS	Hà Văn Đề	210,4	0,0	
28	182	15	124,5	HNK		78,3	46,2	
			62,7	HNK	Hà Thị Hồng	45,4	17,3	
			61,8	HNK	Hà Văn Khoa + Hà Văn Trung	32,9	28,9	
29	182	1208	1186,5	CLN		1144,6	41,9	
			4,1	CLN	Hà Văn Nam	4,1	0,0	
			114	CLN	Hà Văn Đề	114,0	0,0	
			24,5	CLN	Trần Quang Lưu	24,5	0,0	
			69,6	CLN	Hà Văn Đề	69,6	0,0	
			19	CLN	Hà Văn Tú	19,0	0,0	
			20,5	CLN	Hà Anh Tuấn, Trần Thị Thịnh	20,5	0,0	
			23,4	CLN	Hà Văn Giang	23,4	0,0	
			14,4	CLN	Hà Văn Thích	14,4	0,0	
			26,4	CLN	Hà Văn Trữ	26,4	0,0	
			11,6	CLN	Hà Văn Huynh	11,6	0,0	
			1,6	CLN	Hà Văn Minh	1,6	0,0	
			0,5	CLN	Dương Thị Chừng	0,5	0,0	
			2,1	CLN	Hà Văn Duyên (Duy)	2,1	0,0	
			1,5	CLN	Hà Quang Ngọc, Nguyễn Thị Ngoạt	1,5	0,0	
			1,9	CLN	Dương Văn Riệp	1,9	0,0	
			1,2	CLN	Dương Văn Thức	1,2	0,0	
			10,8	CLN	Trần Thị Vin (Đằng)	10,8	0,0	
			40	CLN	Trần Quang Lưu, Hà Thị Bắc	40,0	0,0	
			485	CLN	Trần Quang Lưu, Hà Thị Bắc	485,0	0,0	
			177,4	CLN	Hà Văn Tưởng	160,1	17,3	
			121,5	CLN	Hà Văn Đạo	96,9	24,6	
			15,5	CLN	Hà Văn Thắng	15,5	0,0	
30	182	1209	633,8	NKH		633,8	0,0	
			11,1	NKH	Trần Thị Vin (Đằng)	11,1	0,0	
			31,1	NKH	Trần Văn Hiệp	31,1	0,0	
			28,6	NKH	Hà Văn Huynh	28,6	0,0	
			104,5	NKH	Dương Văn Đắc	104,5	0,0	
			88,9	NKH	Hà Văn Minh	88,9	0,0	
			139,5	NKH	Hà Văn Rư + Hà Thị Loan	139,5	0,0	
			40	NKH	Hà Thị Thanh	40,0	0,0	
			80	NKH	Hà Văn Thích	80,0	0,0	
			34,4	NKH	Hà Văn Khải	34,4	0,0	
			40,3	NKH	Hà Văn Thứ	40,3	0,0	
			20,8	NKH	Hà Văn Tiện	20,8	0,0	
			2,7	NKH	Dương Thị Chừng	2,7	0,0	
			4,9	NKH	Dương Văn Tùy + Hải	4,9	0,0	
			6,8	NKH	Hà Thị Hồng	6,8	0,0	
			0,2	NKH	Vũ Văn Doãn	0,2	0,0	
31	182	1210	681,9	CLN		255,2	426,7	
			86,3	CLN	Dương Văn Riệp	17,2	69,1	
			146,3	CLN	Dương Văn Thức	80,6	65,7	
			91,5	CLN	Hà Văn Thắng	55,7	35,8	
			68	CLN	Trần Quang Lưu, Hà Thị Bắc	21,3	46,7	
			244,5	CLN	UBND phường Trà Lý	80,4	164,1	
32	182	1211	126,4	CLN		126,4	0,0	
			2,5	CLN	Dương Văn Thức	2,5	0,0	

			43	CLN	Dương Văn Riệp	43,0	0,0	
			29,1	CLN	Hà Quang Ngọc, Nguyễn Thị Ngoạt	29,1	0,0	
			37,5	CLN	Hà Văn Duyên (Duy)	37,5	0,0	
			14,3	CLN	Dương Thị Chừng	14,3	0,0	
33	182	1212	286,1	NKH		22,3	263,8	
			60,3	NKH	Dương Văn Tùy + Hài	6,4	53,9	
			61,2	NKH	Dương Thị Chừng	14,8	46,4	
			25	NKH	Dương Văn Rậu	1,0	24,0	
			0,1	NKH	Hà Văn Duyên (Duy)	0,1	0,0	
34	182	1213	502,5	HNK		54,9	447,6	
			28,8	HNK	Dương Văn Riệp	16,8	12,0	
			89,7	HNK	Hà Quang Ngọc, Nguyễn Thị Ngoạt	19,4	70,3	
			120,3	HNK	Hà Văn Duyên (Duy)	18,5	101,8	
			100	HNK	Dương Văn Rậu	0,2	99,8	
35	182	1214	62,7	HNK		62,7	0,0	
			32,6	HNK	Dương Thị Chừng	32,6	0,0	
			30,1	HNK	Dương Văn Tùy + Hài	30,1	0,0	
36	186	745	342,3	LUC	Nguyễn Văn Biên, Bùi Thị Nguyệt	30,8	311,5	
37	186	3001	25,4	DGT	UBND phường Trà Lý	10,6	14,8	
38	186	4001	1177,8	DTL	UBND phường Trà Lý	9,9	1167,9	
Tổng cộng			**19375,5**			**12566,0**	**6809,5**	

